TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2023/DS-ST
Ngày 17 - 8 - 2023
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sỹ

2. Bà Nguyễn Thị Vân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2023/QĐXXST-DS ngày 24/7/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1980

Nơi cư trú: 46 đường V, thành phố QN, tỉnh BĐ.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T1 là anh Huỳnh Duy T, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: 130/22 đường H, thành phố QN, tỉnh BĐ (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 08/6/2023)

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Ánh T2, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Tổ 46, KV5, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

(Các đương sự có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** *Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1 là anh Huỳnh Duy T trình bày:*

Ngày 12/5/2020, chị Nguyễn Thị T1có cho chị Nguyễn Thị Ánh T2 vay số tiền 470.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 3%/tháng, mục đích để chị T2 đáo hạn Ngân hàng, thời hạn trả vào ngày 25/5/2020. Khi vay, chị T2 có viết Giấy mượn tiền. Ngày 27/6/2020, chị Trúc có trả cho chị T1 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền

370.000.000 đồng. Từ ngày 15/11/2020 đến ngày 13/4/2021, chị T2 đã trả 7 lần tiền lãi, mỗi lần trả 5.000.000 đồng, tổng cộng 35.000.000 đồng. Sau đó, chị T1 đã nhiều lần liên lạc và đến gặp trực tiếp chị T2 yêu cầu hoàn trả lại số tiền còn nợ nhưng đến nay chị T2 vẫn không trả và liên tục né tránh. Vì vậy, chị T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Ánh T2 phải có nghĩa vụ trả cho chị một lần số tiền 370.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo quy định pháp luật từ ngày khởi kiện cho đến khi trả hết nợ.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh T2 trình bày:*

Chị thống nhất về thời gian vay tiền, số tiền vay, lãi suất thoả thuận, mục đích vay tiền và thời hạn trả tiền vay như người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày. Chị thống nhất ngày 27/6/2020 đã trả cho chị T1 100.000.000 đồng, còn nợ lại 370.000.000 đồng. Sau khi vay, chị đã trả tiền lãi cho chị T1 được 05 tháng, có lúc trả bằng tiền mặt, có lúc chuyển khoản nhưng chị không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Sau đó, chị vỡ nợ nên chị bỏ nhà đi trốn nợ. Khoảng 02 tháng sau, chị về nhà và có thoả thuận với chị T1 trả dần tiền gốc, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng. Từ ngày 15/11/2020 đến ngày 13/4/2021, chị đã trả cho chị T1 được 7 tháng, tổng cộng 35.000.000 đồng tiền gốc. Từ đó đến nay chị không có khả năng trả nợ cho chị T1. Tại phiên toà, chị không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của chị T1. Chị còn nợ chị Thảo 335.000.000 đồng tiền gốc. Hiện nay kinh tế gia đình chị khó khăn nên chị không thể trả lãi, còn tiền gốc chị xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung tranh chấp:

[1.1] Các đương sự thống nhất ngày 12/5/2020 chị Nguyễn Thị T1 cho Nguyễn Thị Ánh T2 vay số tiền 470.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 3%/tháng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn trả vào ngày 25/5/2020. Đến ngày 27/6/2020, chị T2 trả cho chị T1 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 370.000.000 đồng tiền gốc. Sau đó, chị T1 đã nhiều lần yêu cầu trả nợ gốc, lãi nhưng chị T2 trả được 7 lần, mỗi lần trả 5.000.000 đồng, tổng cộng 35.000.000 đồng. Mặc dù thống nhất số tiền trả 35.000.000 đồng nhưng các đương sự không thống nhất là trả gốc hay trả lãi. Đồng thời, không thống nhất phương án trả nợ. Nguyên đơn yêu cầu trả một lần, bị đơn xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

HĐXX xét: Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi được quy định tại Điều 463 và khoản 2 Điều 470 BLDS. Đến kỳ hạn trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn vẫn không trả là vi phạm hợp đồng. Nay chị T1 yêu cầu chị T2 phải có trách nhiệm trả tiền gốc 370.000.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật nên Toà chấp nhận.

[1.2] Nguyên đơn tự nguyện yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày khởi kiện (25/5/2023) đến ngày xét xử vụ án (17/8/2023). Sự tự nguyện này phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Như vậy, tiền lãi bị đơn phải trả: 370.000.000 đồng x 0,833%/tháng (10%/năm) x 2 tháng 23 ngày = 8.527.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 370.000.000 đồng + 8.527.000 đồng = 378.527.000 đồng

[1.3] Bị đơn cho rằng số tiền 35.000.000 đồng đã trả là tiền gốc, hiện nay còn nợ 335.000.000 đồng nhưng lại không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp. Trong khi đó, tại sổ theo dõi của chị T2 khi trả tiền cho chị T1 không thể hiện trả tiền gốc. Vì vậy, HĐXX cũng không có cơ sở để chấp nhận.

Đồng thời, chị T2 cho rằng hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình chị khó khăn nên xin không trả lãi, trả dần tiền gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Yêu cầu này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận, không phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Chị Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.250.000 đồng; chị Nguyễn Thị Ánh T2 phải chịu 18.926.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1.

Buộc chị Nguyễn Thị Ánh T2 phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 378.527.000 đồng, trong đó tiền gốc 370.000.000 đồng, tiền lãi 8.527.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.250.000 đồng theo biên lai số 0003866 ngày 02/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn.

Chị Nguyễn Thị Ánh T2 phải chịu 18.926.000 đồng.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Huy Huệ